TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30–8 - 2019
V/v: Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH - TỈNH THÁI BÌNH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Tiến Thịnh.

2. Bà Lê Thị Sinh Chi.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hà Thị Quỳnh Anh, Thư ký Tòa án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Thanh.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 về ly hôn và nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1991

Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số nhà 06, đường số 9, khu đô thị P, phường Q, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Chị Phạm Ngọc M, sinh năm 1996

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 212, tổ 9, phường I, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở: Số nhà 158, đường H, phường B, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

(Anh T có mặt, Chị M vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 14/2/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Đức T trình bày và có yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Anh và chị Phạm Ngọc M kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường I, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình vào ngày 01/6/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 9/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị M không chung thủy, đặc thù công việc của anh thường phải đi làm xa nhà 2 đến 3 ngày mỗi tuần, trong thời gian anh không có nhà chị M đã có quan hệ tình cảm với người khác. Khi bắt gặp việc chị M không chung thủy, anh đã khuyên bảo và bỏ qua cho chị M nhiều lần nhưng chị M không thay đổi thậm chí còn có con riêng với người khác. Vì vậy anh đã chính thức sống ly thân với chị M từ tháng 10/2017. Đến nay, anh xét thấy anh không còn tình cảm với chị M nữa, thời gian sống ly thân đã lâu nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Ngọc M.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân giữa anh và chị M, chị M sinh được hai con là Nguyễn Việt A, sinh ngày 26/7/2015 và Nguyễn Đức A1 sinh ngày 24/4/2017. Thực tế anh và chị M chỉ có 01 con chung là cháu Nguyễn Việt A, còn cháu Nguyễn Đức A1 không phải là con của anh mà là con riêng của chị M với người khác. Hiện nay cháu Việt A đang ở với anh, cháu Đức A1 đang ở với chị M. Ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Việt A và không yêu cầu chị M cấp dưỡng cho con. Đối với cháu Nguyễn Đức A1 không phải là con của anh nên anh không có trách nhiệm nuôi dưỡng hay cấp dưỡng.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Bị đơn là chị Phạm Ngọc M trình bày: Về điều kiện kết hôn và thời gian kết hôn và thời gian mâu thuẫn giữa chị và anh Nguyễn Đức T như Anh T trình bày là đúng. Tuy nhiên mâu thuẫn ban đầu là do bố mẹ chồng gây ra. Đến ngày 02/9/2017 chị và Anh T sống ly thân. Hai gia đình biết mâu thuẫn của anh chị nhưng xác định đây là việc riêng của anh chị nên để tự vợ chồng quyết định. Trong thời gian sống ly thân, anh chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm một vài lần nhưng không thành. Nay Anh T làm đơn xin ly hôn chị, chị xét thấy không còn tình cảm với Anh T nên đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

Về con chung: Chị và Anh T có 01 con chung là Nguyễn Việt A, sinh ngày 26/7/2015, hiện cháu Việt A đang ở với Anh T, ly hôn chị đồng ý để Anh T nuôi cháu Việt A và không cấp dưỡng cho con. Đối với cháu Nguyễn Đức A1 sinh ngày 24/4/2017, chị xác định cháu Đức A1 không phải là con của Anh T mà là con riêng của chị, hiện cháu Đức A1 đang ở với chị nên chị sẽ là người nuôi dưỡng cháu.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại phiên tòa đại diện VKSND thành phố Thái Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng về quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã có bản tự khai tại Tòa nhưng có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Nguyễn Đức T được ly hôn chị Phạm Ngọc M. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Việt A cho Anh T nuôi dưỡng, chị M không phải cấp dưỡng cho con. Xác định cháu Nguyễn Đức A1 không phải là con chung của chị M và Anh T mà là con riêng của chị M nên chị M là người trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng cho con đối với Anh T. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Anh T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và đã tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng bị đơn là chị Phạm Ngọc M có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Anh Nguyễn Đức T và chị Phạm Ngọc M kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/6/2015 tại Ủy ban nhân dân phường I, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị M không chung thủy, chị M có con riêng với người khác. Từ tháng 9/2017 anh chị sống ly thân mỗi người một nơi. Như vậy mâu thuẫn giữa vợ chồng Anh T, chị M là có thật và đã kéo dài, ở mức trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh Nguyễn Đức T được ly hôn chị Phạm Ngọc M.

[3] Về con chung: Anh T và chị M đều thống nhất trình bày có một con chung là

Nguyễn Việt A, sinh ngày 26/7/2015. Hiện nay cháu Việt A đã trên 3 tuổi và ở với Anh T kể từ khi anh chị ly thân, Anh T có nguyện vọng nuôi con Việt A và không yêu cầu chị M cấp dưỡng cho con, chị M cũng đồng ý nên giao con Nguyễn Việt A cho Anh T nuôi dưỡng là hợp lý.

[4] Đối với cháu Nguyễn Đức A1 sinh ngày 24/4/2017, cháu Đức A1 được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của Anh T chị M, theo Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình thì cháu Đức A1 được xác định là con chung của Anh T, chị M nhưng cả hai anh chị đều trình bày cháu Đức A1 không phải là con chung của Anh T với chị M mà là con riêng của chị M. Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình đã trưng cầu giám định để xác định huyết thống cha mẹ con giữa Anh T, chị M và cháu Nguyễn Đức A1 theo yêu cầu của Anh T. Tại Kết luận giám định số 244/C09 –TT3 ngày 06/8/2019 Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: chị Phạm Ngọc M là mẹ đẻ cháu Nguyễn Đức A1, anh Nguyễn Đức T không phải là cha đẻ của cháu Nguyễn Đức A1. Do vậy có đủ cơ sở xác định cháu Nguyễn Đức A1 không phải là con của Anh T, mà là con riêng của chị M. Chị M có nghĩa vụ nuôi dưỡng cháu Đức A1, không đặt ra vấn đề nuôi và cấp dưỡng cháu Nguyễn Đức A1 đối với Anh T.

[5] Về quan hệ tài sản: Anh T và chị Mai đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Đức T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Về chi phí tố tụng: Anh T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng nên không đặt ra giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 89 và Điều 100 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147, 203, 227, 228, 235, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đức T được ly hôn chị Phạm Ngọc M.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Đức T và chị Phạm Ngọc M có một con chung là Nguyễn Việt A, sinh ngày 26/7/2015. Giao con Nguyễn Việt A cho Anh T trực tiếp nuôi dưỡng, Anh T không yêu cầu chị M cấp dưỡng cho con.

Chị M có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được

cản trở. Chị M, Anh T có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

Xác định cháu Nguyễn Đức A1 sinh ngày 24/4/2017 là con của chị Phạm Ngọc M, không phải là con của anh Nguyễn Đức T.

Chị M và Anh T có quyền liên hệ với cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền để ghi chú theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Đức T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Anh T đã nộp tại Chi cục thi hành án thành phố Thái Bình, biên lai thu số 0007487 ngày 11 tháng 3 năm 2019 sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Đức T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Phạm Ngọc M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- UBND phường I, TP Thái Bình;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Hiền